| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐỒNG NAI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 35 /2011/QĐ-UBND | *Đồng Nai, ngày 02 tháng 6 năm 2011* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp huyện, ngành**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu Trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 38/TTr-SKHCN ngày 11/5/2011,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định quản lý các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp huyện, ngành".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế Bộ Khoa học & Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- TT Công báo;
- Lưu: VT, TH, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Vĩnh**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐỒNG NAI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# QUY ĐỊNH

**Quản lý đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp huyện, ngành**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 35 /2011 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

## Chương I
## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho việc quản lý các đề tài, dự án cấp huyện, ngành và được áp dụng cho tất cả các tổ chức, cá nhân khi thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách của tỉnh Đồng Nai.

- Thực hiện quy định quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ từ xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến xét duyệt, hợp đồng, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu, thanh lý, đăng ký và chuyển giao kết quả khoa học công nghệ.

- Trong trường hợp có những vấn đề liên quan đến quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện, cấp ngành không có trong quy định này thì áp dụng quy định về quản lý các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp Nhà nước và các quy định hiện hành khác liên quan.

- Không áp dụng các nhiệm vụ liên quan đến bí mật nhà nước.

### Điều 2. Giải thích khái niệm

1. Đề tài nghiên cứu khoa học: Là một nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) nhằm phát hiện quy luật, mô tả, giải thích nguyên nhân vận động của sự vật, hiện tượng hoặc sáng tạo nguyên lý, những giải pháp, bí quyết, sáng chế,.... được thể hiện dưới các hình thức: Đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

2. Dự án sản xuất thử nghiệm (dự án SXTN): Là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

3. Dự án khoa học và công nghệ (dự án KH&CN): Là nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm một số đề tài nghiên cứu khoa học và một số dự án sản

xuất thử nghiệm gắn kết hữu cơ, đồng bộ được tiến hành trong một thời gian nhất định nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4. Chuyên gia: Là người có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu, tối thiểu có 05 năm kinh nghiệm về lĩnh vực KH&CN của đề tài, dự án; nắm vững cơ chế quản lý KH&CN; có kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, chuyển giao và áp dụng các kết quả KH&CN vào thực tế sản xuất; có uy tín chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

5. Cơ quan có thẩm quyền quản lý đề tài, dự án: Là cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ: Xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện; xét duyệt nội dung và kinh phí; ký kết hợp đồng; kiểm tra và đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài, dự án.

6. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án: Là tổ chức có tư cách pháp nhân được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ và kinh phí để thực hiện đề tài, dự án.

7. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN; tuyển chọn, xét chọn; sơ kết; nghiệm thu đề tài, dự án KH&CN được thành lập bằng quyết định của cơ quan quản lý KH&CN ký kết hợp đồng. Hội đồng có ít nhất 7 - 9 người, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Cơ cấu Hội đồng gồm:

- Có từ 3 đến 5 thành viên là các nhà nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc chuyên ngành khoa học có liên quan, có thành tích nghiên cứu xuất sắc, có ít nhất 2 năm kinh nghiệm gần đây trong chuyên ngành khoa học được giao tư vấn; trong đó có 2 phản biện;

- Có 04 thành viên là các nhà quản lý thuộc cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách, phòng, ban và doanh nghiệp,tổ chức thụ hưởng kết quả.

8. Phương thức làm việc của Hội đồng xác định nhiệm vụ KH&CN; tuyển chọn, xét chọn; sơ kết; nghiệm thu đề tài, dự án KH&CN: Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2,3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo. Chủ tịch Hội đồng chủ trì Phiên họp của Hội đồng, trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, tính chính xác đối với những ý kiến tư vấn độc lập và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

**Điều 3. Những nguyên tắc chung về quản lý đề tài, dự án**

1. UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các ngành chủ trì tổng hợp các đề tài, dự án khoa học và công nghệ hàng năm, tổ chức Hội đồng KH&CN cấp huyện, cấp ngành, xác định và phê duyệt danh mục đề tài, dự án.

2. Việc xác định đề tài, dự án và tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án được tổ chức hàng năm.

3. Mỗi cá nhân không đồng thời làm chủ nhiệm hoặc đồng chủ nhiệm quá 02 đề tài, hoặc 01 dự án (cho đến khi nghiệm thu). Mỗi đề tài, dự án có tối đa 02 đồng chủ nhiệm.

4. Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện đề tài, dự án (làm chủ nhiệm) phải có chuyên môn cùng lĩnh vực khoa học và công nghệ mà mình đăng ký (được đào tạo hoặc làm việc ít nhất 03 năm trong lĩnh vực) hoặc liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ đăng ký (kèm theo điều kiện đội ngũ cộng tác viên tham gia đề tài phải có chuyên môn phù hợp).

5. Các tổ chức, cơ quan (dưới đây gọi tắt là tổ chức) có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, dự án đều có quyền tham gia đăng ký chủ trì đề tài, dự án.

6. Mỗi tổ chức được đồng thời chủ trì nhiều đề tài, dự án phù hợp với lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức và phải đảm bảo có đủ số lượng cán bộ khoa học, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện các nhiệm vụ khoa học kỹ thuật; mỗi đề tài, dự án chỉ có một cơ quan chủ trì thực hiện.

7. Các tổ chức, cá nhân không được tham gia đăng ký chủ trì, thực hiện đề tài, dự án mới khi vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 29 về xử lý vi phạm trong Quy định này.

8. Đề tài, dự án có cùng nội dung nghiên cứu, triển khai không được đăng ký ở nhiều nơi để nhận thêm kinh phí nghiên cứu.

9. Tất cả các loại đề tài, dự án đều phải bảo vệ đề cương khoa học trước Hội đồng khoa học. Đề cương khoa học và báo cáo sơ kết, nghiệm thu được bảo vệ tối đa 02 lần.

10. Đối với các đề tài, dự án khác không dùng ngân sách tỉnh để nghiên cứu, nhưng muốn xác nhận sản phẩm khoa học thì được Giám đốc Sở Khoa học & Công nghệ lập Hội đồng khoa học nghiệm thu sản phẩm nghiên cứu. Chi phí cho Hội đồng nghiệm thu do người yêu cầu hoặc nơi yêu cầu chi trả.

11. Đối với các đề tài, dự án nhỏ (tổng kinh phí thực hiện dưới 30 triệu đồng) không dùng ngân sách huyện, ngành để nghiên cứu, nhưng muốn xác nhận sản phẩm khoa học thì được UBND cấp huyện, Lãnh đạo ngành thành lập Hội đồng khoa học nghiệm thu sản phẩm nghiên cứu. Chi phí cho Hội đồng nghiệm thu do người yêu cầu hoặc nơi yêu cầu chi trả.

**Điều 4. Thời gian thực hiện đề tài, dự án**

Thời gian thực hiện đề tài, dự án không quá 24 tháng tính từ khi ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học; riêng các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, y tế, nghiên cứu cơ bản được triển khai không quá 36 tháng; các trường hợp đặc biệt do UBND cấp huyện, Giám đốc Sở, Ngành quyết định.

## Chương II
## QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH VÀ XÉT CHỌN, KIỂM TRA, SƠ KẾT, TỔNG KẾT NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HÀNG NĂM CẤP HUYỆN, NGÀNH

**Điều 5. Những cơ sở để xác định đề tài, dự án**

1. Việc xác định đề tài, dự án của huyện, ngành phải xuất phát từ yêu cầu giải quyết những vấn đề cấp thiết về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của huyện, ngành có ý nghĩa đối với sự phát triển của huyện, ngành và phù hợp với Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

2. Đề tài khoa học phải đảm bảo có giá trị khoa học và công nghệ, có tính mới, tính sáng tạo, tính tiên tiến về công nghệ, tính cấp thiết, tính thực tiễn, tính khả thi và kết quả nghiên cứu của đề tài phải có khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, đời sống.

3. Dự án chủ yếu tập trung triển khai kết quả nghiên cứu của các chương trình khoa học và công nghệ ưu tiên, phục vụ phát triển các ngành kinh tế quan trọng, tạo ra quy trình công nghệ và sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**Điều 6. Đề tài, dự án ưu tiên triển khai trong năm**

1. Các đề tài, dự án được Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy và UBND cấp huyện hoặc của Lãnh đạo Ngành giao thực hiện được lập thành danh mục ưu tiên đưa vào kế hoạch. Các đề tài, dự án này sẽ được đặt hàng trực tiếp cho nhà khoa học nghiên cứu thực hiện.

2. Đề tài, dự án thuộc các đơn vị chuyên môn cấp huyện, ngành khi có yêu cầu nghiên cứu phải ghi rõ mục tiêu, nội dung và yêu cầu sản phẩm cần đạt. UBND cấp huyện và lãnh đạo các ngành có thể tham khảo ý kiến các ngành liên quan trước khi bổ sung vào kế hoạch hằng năm và tổ chức xét duyệt như những đề tài khác.

3. Những đề tài thuộc loại tối mật và tuyệt mật về quốc phòng, an ninh và một số ngành khác có quy định độ mật phải được đưa vào danh mục riêng.

**Điều 7. Đề tài, dự án phát sinh**

Các đề tài, dự án phát sinh trong thực tiễn công tác có tính cấp thiết, UBND cấp huyện, ngành được quyền đặt hàng trực tiếp cho nhà khoa học hoặc tổ chức hội đồng xét duyệt đề cương nghiên cứu để tuyển chọn chủ nhiệm và cấp kinh phí thực hiện.

**Điều 8. Qui trình, thủ tục quản lý đề tài, dự án**

| Bước | Quy trình thực hiện | Trách nhiệm |
|---|---|---|
| | **I. Xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ** | |
| 1. | Kêu gọi đề xuất nhiệm vụ KH&CN từ các nguồn:<br>- Kết quả xây dựng nhiệm vụ KH&CN cấp huyện, ngành theo giai đoạn.<br>- Các tổ chức và cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ. | Viện, Trường, Sở, phòng, ban, ngành, |

| | | |
|---|---|---|
| | - Các biểu mẫu:<br>+ BM01-PĐXNC: Phiếu đề xuất nhu cầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp huyện, ngành năm 20…<br>+ BM02-PĐXĐT: Phiếu đề xuất đề tài khoa học cấp huyện, ngành năm 20…<br>+ BM03-PĐXDA: Phiếu đề xuất dự án khoa học công nghệ hoặc sản xuất thử nghiệm cấp huyện, ngành năm 20…<br>+ BM04-DMTH-NC-ĐT-DA:Danh mục tổng hợp các vấn đề Khoa học và Công nghệ cấp huyện, ngành đề xuất thực hiện năm 20… | huyện, Thị xã và TP. Biên Hòa |
| 2. | - Rà soát lại các đề tài, dự án để tránh trùng lắp, chỉnh sửa đề bài (nếu có); thông qua Hội đồng Tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN; tổng hợp để xây dựng thành Danh mục sơ bộ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện, ngành.<br>- Các biểu mẫu:<br>+ BM05-QĐTLHĐ: Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, xét chọn, sơ kết, tổng kết đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp huyện, ngành thực hiện năm 20….<br>+ BM06-PĐG-NC-ĐT-DA: Phiếu đánh giá nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ đề xuất năm 20….<br>+ BM07-BBTVXĐ-NC-ĐT-DA: Biên bản Tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm …<br>+ BM08-DM-NC-ĐT-DA: Danh mục nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ năm 20…. | Phòng Kinh tế, Kinh tế Hạ tầng, Phòng chuyên môn của ngành; Hội đồng Tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp huyện, ngành; UBND các huyện, Thị xã, TP. Biên Hòa, Sở, Ngành |
| 3. | - Thông qua Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ.<br>- Các biểu mẫu:<br>+ BM06-PĐG-NC-ĐT-DA: Phiếu đánh giá nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ đề xuất năm 20….<br>+ BM07-BBTVXĐ-NC-ĐT-DA: Biên bản Tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm … | Hội đồng KH&CN cấp huyện, ngành |
| 4. | - Tổng hợp thành Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn chỉnh đã được Hội đồng khoa học và công nghệ cấp huyện, ngành thông qua.<br>- Biểu mẫu:<br>+ BM08-DM-NC-ĐT-DA: Danh mục nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ năm 20…. | Phòng Kinh tế, Kinh tế Hạ tầng, Phòng chuyên môn của ngành |
| 5. | - Soạn thảo văn bản đề nghị UBND cấp huyện, ngành phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ KH&CN hàng năm.<br>- Biểu mẫu:<br>+ BM09-TTPDDM-NC-ĐT-DA: Tờ trình V,v phê duyệt danh mục nhu cầu nhiệm vụ KH&CN, đề tài,dự án khoa học công nghệ huyện, ngành…….thực hiện năm 20…<br>+ BM10-QĐPDDM-NC-ĐT-DA: Dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục đề tài, dự án Khoa học và Công nghệ cấp huyện, ngành thực hiện năm 20…. | Phòng Kinh tế, Kinh tế Hạ tầng, Phòng chuyên môn của ngành; UBND các huyện, Thị xã, TP. Biên Hòa, Sở, Ngành |
| | **II. Xây dựng thuyết minh đề tài,dự án khoa học và công nghệ** | |

| | | |
|---|---|---|
| 6. | - Thông báo xây dựng thuyết minh.<br>- Triển khai Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ KH&CN hàng năm đã được UBND cấp huyện, ngành phê duyệt.<br>- Các biểu mẫu:<br>+ BM11-ĐON: Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án<br>+ BM12a-TMĐTKHCN: Thuyết minh đề tài nghiên cứu Khoa học và Công nghệ<br>+ BM12b-TMĐTKHXHNV: Thuyết minh đề tài nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn<br>+ BM12c-TMDAKHCN: Thuyết minh dự án khoa học và công nghệ<br>+ BM12d-TMDASXTN: Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm<br>Chọn 1 trong 4 biểu mẫu ở trên<br>+ BM14: Lý lịch khoa học của Chủ nhiệm đề tài, dự án KH&CN, dự án SXTN.<br>+ BM13-LLCN: Lý lịch khoa học của Cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án KH&CN, dự án SXTN.<br>+ BM14-LLTC: Tóm tắt hoạt động khoa học của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án KH&CN, dự án SXTN cấp huyện, ngành<br>+ BM15-PHUD: giấy xác nhận tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu đề tài,dự án<br>+ BM16-PHNC: giấy xác nhận phối hợp thực hiện đề tài,dự án | Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án |
| 7. | - Tư vấn xét duyệt thuyết minh đề tài, dự án (xét chọn hoặc tuyển chọn).<br>- Các biểu mẫu:<br>+ BM05-QĐTLHĐ: Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, xét chọn, sơ kết, tổng kết đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp huyện, ngành thực hiện năm 20….<br>+ BM17-PNXĐTKHCN; BM17a-PĐGĐTKHCN: Phiếu nhận xét và Phiếu đánh giá thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp huyện, ngành<br>+ BM18-PNXTĐKHXHNV; BM18a-PĐGTĐKHXHNV: Phiếu nhận xét và Phiếu đánh giá thuyết minh đề tài khoa học xã hội và Nhân văn cấp huyện, ngành<br>+ BM19-PNXDAKHCN; BM19a-PĐGDAKHCN: Phiếu nhận xét và Phiếu đánh giá thuyết minh dự án KH&CN<br>+ BM20-PNXDASXTN; BM20a-PĐGDASXTN: Phiếu nhận xét – đánh giá hồ sơ dự án sản xuất thử nghiệm cấp huyện, ngành<br>+ BM21-BBHĐXD: Biên bản họp Hội đồng xét duyệt đề tài, dự án Khoa học và Công nghệ, dự án SXTN cấp huyện, ngành | Hội đồng xét chọn, tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án KH&CN;<br>UBND các huyện, Thị xã, TP. Biên Hòa, Sở, Ngành |
| 8. | - Chỉnh sửa thuyết minh<br>- Các biểu mẫu: chọn 1 trong 4 mẫu sau:<br>+ BM12a-TMĐTKHCN: Thuyết minh đề tài nghiên cứu Khoa học và Công nghệ<br>+ BM12b-TMĐTKHXHNV: Thuyết minh đề tài nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn<br>+ BM12c-TMDAKHCN: Thuyết minh dự án khoa học và công nghệ<br>+ BM12d-TMDASXTN: Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm | Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án |

| | | |
|---|---|---|
| 9. | - Thẩm định nội dung và kinh phí<br>- Biểu mẫu:<br>+ BM22-BBTĐKP: Biên bản họp Tổ thẩm định nội dung và kinh phí đề tài, dự án cấp huyện, ngành.<br>+ BM23-QĐPDKP: Quyết định phê duyệt kinh phí | UBND các huyện, Thị xã, TP. Biên Hòa, Sở, Ngành |
| | **III. Triển khai thực hiện đề tài,dự án khoa học và công nghệ** | |
| 10. | - Ký kết hợp đồng thực hiện.<br>- Các biểu mẫu:<br>+ BM24-HĐHTKP: Hợp đồng hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài, dự án<br>+ BM24-PLĐCHĐ: Phụ phục điều chỉnh hợp đồng hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài, dự án | Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, Thị xã, TP. Biên Hòa, Sở, Ngành |
| 11. | - Kiểm tra tiến độ, sơ kết<br>- Các biểu mẫu:<br>+ BM26-BCTĐ: Báo cáo tiến độ đề tài, dự án khoa học và công nghệ, dự án SXTN cấp huyện, ngành.<br>+ BM27-BBGĐ: Biên bản kiểm tra tiến độ đề tài, dự án khoa học và công nghệ, dự án SXTN cấp huyện, ngành.<br>+ BM28-BBSK: Biên bản họp Hội đồng KH&CN sơ kết đề tài,dự án | UBND các huyện, Thị xã, TP. Biên Hòa, Sở, Ngành |
| 12. | - Nghiệm thu chính thức đề tài, dự án (ii)<br>- Các biểu mẫu:<br>+ BM29-HDVBCTK: Hướng dẫn viết báo cáo tổng kết đề tài, dự án<br>+ BM05-QĐTLHĐ: Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, xét chọn, sơ kết, tổng kết đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp huyện, ngành thực hiện năm 20….<br>+ BM30-PNXTKĐTKHCN; BM30a-PĐGTKĐTKHCN: Phiếu nhận xét và Phiếu đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp huyện, ngành.<br>+ BM31-PNXTKĐTKHXHNV; BM31a-PĐGTKĐTKHXHNV Phiếu nhận xét và Phiếu đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp huyện, ngành.<br>+ BM32-PĐGTKDAKHCN: Phiếu đánh giá nghiệm thu dự án khoa học và công nghệ<br>+ BM33-PNXTKDASXTN; BM33-PĐGTKDASXTN Phiếu nhận xét và Phiếu đánh giá nghiệm thu dự án sản xuất thử nghiệm cấp huyện, ngành.<br>+ BM34-BBTKĐTKHCN&DASXTN: Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm cấp huyện, ngành.<br>+ BM35-BBTKĐTKHXHNV Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp huyện, ngành.<br>+ BM36-BBTKDAKHCN: Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu dự án khoa học và công nghệ cấp huyện, ngành.<br>+ BM37-TTNTĐTDA: Tờ trình V.v Xin phê duyệt và ban hành | Hội đồng nghiệm thu đề tài, dự án KH&CN; UBND các huyện, Thị xã, Tp. Biên Hòa, Sở, Ngành |

| | | |
|---|---|---|
| | quyết định công nhận, nghiệm thu kết quả đề tài,dự án: "....." do ..... thực hiện<br>+ BM37-TTNTĐTDA: Quyết định công nhận, nghiệm thu kết quả đề tài,dự án: "....." do ..... thực hiện | |
| 13. | - Bàn giao kết quả nghiên cứu<br>- Thanh lý hợp đồng<br>- Biểu mẫu:<br>+BM39-BBBGKQNC: Biên bản bàn giao kết quả nghiên cứu đề tài,dự án.<br>+ BM40-BCQTLK: Báo cáo quyết toán lũy kế<br>+ BM41-BBQTKP: Biên bản quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án<br>+ BM41-BBQTKP: Biên bản thanh lý hợp đồng | UBND các huyện, Thị xã, TP. Biên Hòa, Sở, Ngành, Sở KH&CN |
| | **IV. Đăng ký kết quả khoa học** | |
| 14. | - Đăng ký kết quả khoa học với Sở KH&CN Đồng Nai (Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN) các đề tài, dự án KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước.<br>- Các biểu mẫu:<br>+ BM34-BBTKĐTKHCN&DASXTN: Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm cấp huyện, ngành.<br>+ BM35-BBTKĐTKHXHNV Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp huyện, ngành.<br>+ BM36-BBTKDAKHCN: Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu dự án khoa học và công nghệ cấp huyện, ngành.<br>+ BM43-PĐKKQNC: Phiếu đăng ký kết quả nghiên cứu<br>+ BM44-PMTCN: Phiếu mô tả công nghệ | Chủ nhiệm đề tài, dự án KH&CN |

**Ghi chú:**

(i) Trong trường hợp đề tài, dự án có mức độ chuyên môn cao sẽ được thông qua Hội đồng Tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN.

(ii) Các tổ chức, đơn vị tiếp nhận chuyển giao kết quả các đề tài, dự án thực hiện báo cáo về Phòng Kinh tế, Kinh tế - Hạ tầng kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN được chuyển giao sau 12 tháng. Kinh phí chuyển giao thông qua các cuộc hội thảo, tập huấn phổ biến tiến bộ KH&CN... được dự trù và đưa vào kế hoạch sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học của cấp huyện, ngành.

Tất cả các đề tài, dự án được thẩm định về dự toán kinh phí do UBND cấp huyện và Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định. UBND cấp huyện và Sở Khoa học và Công nghệ sẽ duyệt kinh phí cho đề tài, dự án dựa trên đề xuất của Tổ thẩm định.

1. Thang điểm đánh giá của Hội đồng KH&CN xét duyệt đề tài, dự án như sau:

- Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có Hồ sơ được xếp loại Đạt.

+ Đối với Đề tài KHCN và KHXH&NV: Đề tài được xếp loại Đạt khi Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí đạt từ 70,100 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm.

+ Đối với dự án SXTN: Dự án được xếp loại Đạt khi Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí đạt từ 65,100 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm.

+ Đối với Dự án KHCN: Dự án được xếp loại Đạt khi Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí đạt từ 65,100 điểm trở lên.

Sau khi đề tài, dự án được Hội đồng khoa học xét duyệt thông qua, Chủ nhiệm đề tài, dự án sửa đổi, bổ sung đề cương theo góp ý của Hội đồng (nếu có). Căn cứ biên bản xét duyệt, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng thực hiện và cấp kinh phí. Hợp đồng được ký kết giữa Sở Khoa học và Công nghệ với UBND cấp huyện, cơ quan chủ trì (đối với đề tài, dự án cấp ngành) và Chủ nhiệm đề tài, dự án.

2. Thang điểm đánh giá của Hội đồng KH&CN tổng kết nghiệm thu đề tài, dự án như sau:

Hội đồng khoa học tổng kết nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện đề tài, dự án theo các tiêu chí dưới đây:

a) Đối với đề tài khoa học và công nghệ, dự án Sản xuất thử nghiệm: Hội đồng xếp loại Đề tài,dự án SXTN vào một trong 2 mức sau: Đạt hoặc Không đạt.

- Đạt: Không vi phạm một trong các điểm sau:

+ Kết quả khoa học và công nghệ không thể lặp lại được, không có giá trị khoa học hoặc không có giá trị sử dụng;

+ Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của đề tài (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung và thay đổi thiết kế, kế hoạch thực hiện;

+ Nộp Hồ sơ đánh giá chậm so với thời hạn kết thúc Hợp đồng từ 6 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ.

Các đề tài, dự án phải Đạt 20 điểm trở lên, được chia các mức như sau:

Mức A: Từ 35-40 điểm, trong đó: đạt điểm tối đa về giá trị khoa học - 8,8 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 2 và đạt điểm tối đa về giá trị ứng dụng - 12,12 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 3.

Mức B: Từ 27 đến dưới 35 điểm.

Mức C: Từ 20 đến dưới 27 điểm.

- Không Đạt: Dưới 20 điểm hoặc vi phạm một trong các điểm ở Tiết thứ nhất, điểm a, Khoản 2, Điều này.

b) Đối với đề tài Khoa học xã hội và Nhân văn: Hội đồng đánh giá nghiệm thu tiến hành việc xếp loại đề tài như sau:

- Đề tài xếp loại xuất sắc nếu đạt điểm trung bình từ 85 điểm trở lên, trong đó, phần giá trị khoa học đạt từ 55 điểm trở lên và phần giá trị ứng dụng, giá trị thực tiễn kết quả của đề tài đạt từ 20 điểm trở lên;

Trường hợp đề tài đạt đủ các tiêu chuẩn trên, nhưng nộp hồ sơ nghiệm thu chậm so với hợp đồng khoa học được quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Quy định này mà không có ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ thì chỉ được xếp ở mức cao nhất là loại khá.

- Đề tài xếp loại khá trong 2 trường hợp:

+ Đạt điểm trung bình từ 65 đến dưới 85 điểm;

+ Đạt điểm trung bình từ 85 điểm trở lên, nhưng điểm cho phần giá trị khoa học dưới 55 hoặc điểm cho phần giá trị ứng dụng, sử dụng kết quả của đề tài dưới 20.

- Đề tài xếp loại trung bình nếu có điểm trung bình từ 50 đến dưới 65 điểm

- Đề tài xếp loại không đạt nếu điểm trung bình dưới 50.

c) Đối với dự án khoa học và công nghệ:

- Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu dự án cấp huyện, ngành, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp huyện, ngành đánh giá kết quả thực hiện dự án theo các nội dung sau:

+ Kết quả công tác chuyển giao công nghệ so với mục tiêu, nội dung của dự án và hợp đồng;

+ Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với Hợp đồng;

+ Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án;

+ Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án;

+ Hiệu quả kinh tế – xã hội và môi trường của dự án;

+ Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án.

- Kết quả thực hiện dự án được đánh giá bằng điểm theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại biểu mẫu BM32-PĐGTKDAKHCN của quy định này và thời điểm nộp hồ sơ để xếp loại dự án theo các mức "xuất sắc", "khá", "đạt" hoặc "không đạt". Cụ thể như sau:

+ Dự án được đánh giá ở mức "xuất sắc" là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt từ 90 điểm đến 100 điểm và hồ sơ nộp đúng tiến độ hoặc không chậm hơn tiến độ quy định là 15 ngày.

+ Dự án được đánh giá ở mức "khá" là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt từ 75 điểm đến dưới 90 điểm và hồ sơ nộp không chậm hơn tiến độ được quy định như sau: Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc Hợp đồng, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm nộp 12 bộ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu (trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc) cho UBND huyện, ngành hoặc trên 90 điểm nhưng hồ sơ nộp chậm so với tiến độ quy định từ 16 đến 30 ngày.

+ Dự án được đánh giá ở mức "đạt" là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt từ 60 điểm đến dưới 75 điểm và hồ sơ nộp không chậm so với tiến độ được quy định như sau: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc Hợp đồng, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm nộp 12 bộ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu (trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc) cho UBND huyện, ngành hoặc trên 75 điểm nhưng hồ sơ nộp chậm so với tiến độ quy định từ 31 đến 180 ngày.

+ Dự án được đánh giá ở mức "không đạt" là dự án có bình quân tổng số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt dưới 60 điểm và hồ sơ nộp không chậm hơn tiến độ được quy định như sau: Chậm nhất là 180 ngày kể từ ngày kết thúc Hợp đồng, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm nộp 12 bộ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu (trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc) cho UBND huyện, ngành hoặc thuộc 1 trong các trường hợp sau:

+ Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung;

+ Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu từ 181 ngày trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu cấp huyện, ngành

+ Đối với các dự án được đánh giá "không đạt", Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp huyện, ngành có trách nhiệm xem xét, xác định những nội dung, công việc đã thực hiện được theo đúng hợp đồng làm căn cứ để Ủy ban nhân dân huyện,Giám đốc ngành xem xét và xử lý.

+ Đối với những dự án được đánh giá ở mức "đạt" trở lên, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họp xong Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp huyện, ngành, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì dự án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyển giao công nghệ bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo kiến nghị của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp huyện, ngành và gửi 03 bộ hồ sơ gốc về Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức thanh lý hợp đồng.

**Điều 9. Kiểm tra, Sơ kết đề tài, dự án**

1. UBND cấp huyện, ngành thành lập Hội đồng khoa học tư vấn kiểm tra, sơ kết (nghiệm thu kết quả nghiên cứu từng giai đoạn) của mỗi đề tài, dự án trong quá trình thực hiện, nhằm đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, nội dung nghiên cứu và tiến độ thời gian. Thành phần Hội đồng khoa học được quy định tại Điều 20 của Quy định này.

Đề tài, dự án chỉ được cấp tiếp kinh phí thực hiện khi được Hội đồng khoa học đồng ý thông qua kết quả thực hiện của giai đoạn trước. Trừ trường hợp đề tài, dự án thực hiện dưới 12 tháng, mà hợp đồng không quy định cần kiểm tra, sơ kết giữa kỳ.

2. Hội đồng khoa học sơ kết do UBND cấp huyện, ngành thành lập căn cứ trên

điều kiện thực tế, nhưng phải đảm bảo 2,3 tổng số thành viên trong Hội đồng lúc xét duyệt tham gia Hội đồng sơ kết nghiệm thu kết quả nghiên cứu từng giai đoạn và tiến độ thực hiện. Trong đó thành viên bắt buộc là đại diện cơ quan đặt hàng (nếu là đề tài đặt hàng) và cơ quan tiếp nhận, ứng dụng kết quả nghiên cứu.

**Điều 10. Tổng kết nghiệm thu đề tài, dự án**

Tất cả các đề tài, dự án sau khi kết thúc phải tổ chức Hội đồng khoa học để tổng kết nghiệm thu.

Hội đồng khoa học tổng kết nghiệm thu có ít nhất 2,3 thành viên của Hội đồng xét duyệt, hoặc sơ kết. Trong thành phần của Hội đồng phải có đại diện hợp pháp của cơ quan ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án (đối với đề tài, dự án triển khai công nghệ) . Mỗi Hội đồng tổng kết nghiệm thu có ít nhất 02 thành viên phản biện, một thành viên là nhà khoa học, một thành viên có thể là đại diện đơn vị ứng dụng. Thành phần Hội đồng khoa học tổng kết nghiệm thu được quy định tại Điều 20 của Quy định này.

Nếu đề tài, dự án có nhiều sản phẩm chính lớn, mỗi sản phẩm có thể có 01 đến 02 thành viên phản biện.

Biên bản nghiệm thu là văn bản có giá trị pháp lý về việc đánh giá chất lượng và công nhận sự hoàn tất của đề tài, dự án.

Hội đồng khoa học tổng kết nghiệm thu có trách nhiệm đề xuất hướng nghiên cứu tiếp tục ứng dụng triển khai đề tài, dự án với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và UBND cấp huyện, ngành.

**Điều 11. Giao nộp, đăng ký kết quả nghiên cứu và triển khai đề tài, dự án khoa học công nghệ và thanh lý hợp đồng**

1. Đề tài, dự án sau khi tổng kết nghiệm thu, được hoàn chỉnh sản phẩm khoa học (nếu có) có đối chiếu hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ, quyết toán kinh phí đầy đủ, đăng ký kết quả nghiên cứu, bàn giao kết quả theo hợp đồng, các sản phẩm đề tài, dự án và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đề tài (nếu có) đã được kiểm kê theo đúng quy định hiện hành sẽ được thanh lý hợp đồng.

Kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ của tất cả các đề tài, dự án, dùng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh (được quy định theo Quyết định 03/2007/QĐ-BKHCN ngày 16/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ) sau khi nghiệm thu phải được đăng ký, giao nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lưu giữ kết quả nghiên cứu, các tài liệu liên quan tại Sở, tại Trung tâm Tin học và Thông tin khoa học công nghệ của Sở, để phổ biến, bàn giao kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tế.

2. Thanh lý hợp đồng: Đề tài, dự án không thể tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, bắt buộc phải thanh lý hoặc nộp trả kinh phí về ngân sách Nhà nước thì Sở Khoa học và Công nghệ phải thành lập Hội đồng thanh lý (Thành phần gồm: Thanh tra, các phòng chức năng của Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện Sở Tài

tầng cấp huyện, đại diện cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, Chủ tịch Hội đồng, ủy viên phản biện và một số nhà khoa học tham gia Hội đồng xét duyệt hoặc Sơ kết đề tài, dự án ...).

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch UBND cấp huyện,Giám đốc Ngành căn cứ biên bản họp Hội đồng thanh lý ra quyết định thanh lý hoặc đình chỉ thực hiện đề tài, dự án và thu hồi kinh phí (tỷ lệ kinh phí thu hồi sẽ do Hội đồng thanh lý đề nghị và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định).

## Chương III
## QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, TRIỂN KHAI

### Điều 12. Xác định quyền sở hữu

1. Tất cả các đề tài, dự án nghiên cứu sử dụng kinh phí từ ngân sách của UBND cấp huyện, ngành thì tất cả các kết quả nghiên cứu thuộc quyền sở hữu của UBND cấp huyện, ngành.

2. Những đề tài sử dụng một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh Đồng Nai nếu không có thỏa thuận khác thì các kết quả nghiên cứu và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu chung của các bên tham gia đóng góp kinh phí. Phần sở hữu được xác định theo tỉ lệ đóng góp của các bên.

3. Việc xác định quyền sơ hữu đối với các kết quả nghiên cứu và đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh phải được thực hiện theo quy định của Luật Dân sự và Luật Sở hữu Trí tuệ, đồng thời phải được thể hiện trong bản hợp đồng khoa học giữa các bên.

### Điều 13. Xác lập quyền sở hữu trí tuệ

1. Chủ sở hữu (được quy định tại Điều 12 của Quy định này) phải chủ động tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu của mình trong trường hợp các đối tượng đó chỉ phát sinh quyền khi đăng ký. Khi tiến hành các thủ tục xác lập quyền, người nộp đơn là chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu ủy quyền. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, trong đó phải ghi rõ tên, địa chỉ bên ủy quyền, bên được ủy quyền và nội dung được ủy quyền.

2. Người được chủ sở hữu ủy quyền là người thay mặt người ủy quyền xác lập quyền sở hữu. Người được uỷ quyền khi tiến hành thủ tục xác lập quyền chỉ được thực hiện những nội dung đã được người ủy quyền cho phép. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những nội dung vượt quá ủy quyền thì bên nhận ủy quyền phải thông báo cho bên chủ sở hữu biết và chỉ được thực hiện những nội dung này nếu được chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản.

3. Đối với các đối tượng tự xác lập quyền không trên cơ sở đăng ký, chủ sở hữu và những người có liên quan phải tiến hành các biện pháp bảo vệ các chứng cứ để chứng minh quyền khi có phát sinh tranh chấp.

4. Tất cả các hồ sơ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đều phải ghi nhận tên tác giả và đồng tác giả trực tiếp thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu. Chi phí đăng ký quyền sở hữu trí tuệ do chủ sở hữu thanh toán.

5. Thủ tục đăng ký các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu Trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Điều 14. Khai thác, sử dụng và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ**

1. Đối với các kết quả nghiên cứu đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ mà chủ sở hữu đồng thời là chủ thể có quyền khai thác, sử dụng hoặc cho phép người khác khai thác, sử dụng. Việc cho phép phải được thể hiện bằng văn bản và phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về sơ hữu trí tuệ.

2. Đối với các kết quả nghiên cứu đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ mà chủ sở hữu không đồng thời là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thì khi chủ thể quyền muốn khai thác, sử dụng hoặc chuyển giao quyền sử dụng cho người khác phải được sự chấp thuận của chủ sở hữu.

3. Đối với các kết quả nghiên cứu không xác lập quyền sở hữu trí tuệ, việc khai thác, sử dụng được thực hiện theo Điều 23 của Quy định này.

4. Tổ chức, cá nhân khác không thuộc khoản 1 và 2 của Điều này nếu khai thác, sử dụng các kết quả nghiên cứu đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ đều phải xin phép chủ thể quyền, trừ trường hợp các tác phẩm được quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Luật Sở hữu Trí tuệ.

**Điều 15. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ**

1. Bất kể người nào sử dụng kết quả nghiên cứu từ các đề tài, dự án đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ mà không được chủ thể quyền sở hữu trí tuệ cho phép và không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 25 và 26 của Luật sở hữu trí tuệ bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải nhanh chóng tìm biện pháp để bảo vệ hoặc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình theo đúng quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan nếu phát hiện các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm đều phải thông báo cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để kịp thời có biện pháp ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

**Điều 16. Phân chia lợi ích**

1. Trong quá trình khai thác, sử dụng các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ mà phát sinh lợi nhuận, người khai thác phải thực hiện các nghĩa vụ đối với tác giả, chủ thể quyền và chủ sở hữu theo thoả thuận. Việc thỏa thuận phải được thể hiện trong bản hợp đồng.khoa học giữa các bên và phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp người khai thác quyền không thực hiện nghĩa vụ, chủ sở hữu, chủ thể quyền và tác giả có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

## Chương IV
## TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

**Điều 17. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND cấp huyện, ngành và Sở Khoa học và Công nghệ**

1. UBND cấp huyện, Lãnh đạo các ngành phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm của cấp mình quản lý.

2. UBND cấp huyện, Lãnh đạo các ngành tổ chức tuyển chọn và phê duyệt các tổ chức, cá nhân chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện, ngành. Theo dõi, kiểm tra thực hiện, tổ chức đánh giá nghiệm thu và công bố kết quả nghiên cứu triển khai khoa học và công nghệ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện, Lãnh đạo các ngành hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật, các biểu mẫu phục vụ cho công tác quản lý các chương trình, đề tài, dự án một cách thống nhất trên địa bàn huyện và trong phạm vi ngành.

4. UBND cấp huyện, Lãnh đạo các ngành phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định đình chỉ triển khai đề tài, dự án khi xác định vi phạm Quy định này sau khi có biên bản đề nghị thanh lý của Hội đồng thanh lý.

**Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì đề tài, dự án**

Các tổ chức chủ trì đề tài, dự án phải ký xác nhận và theo dõi hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với cấp huyện, ngành. Thủ trưởng các tổ chức chủ trì đề tài, dự án có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc theo dõi và kiểm tra việc thực hiện đề tài, dự án do tổ chức mình thực hiện; có trách nhiệm giám sát chi tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và thanh quyết toán đúng thời gian quy định. Tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả của đề tài, dự án; nghiêm túc thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án phải cử người có thẩm quyền tham dự trong các buổi họp của hội đồng xét duyệt, giám định hay nghiệm thu đề tài, dự án.

Tổ chức chủ trì đề tài có trách nhiệm trong việc thu hồi kinh phí của đề tài, dự án khi bị kiểm tra, đình chỉ thực hiện đề tài, dự án theo hướng dẫn tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Các tổ chức chủ trì đề tài, dự án được hưởng chi phí quản lý của đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

**Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ nhiệm đề tài, dự án**

1. Chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả thực hiện theo đúng các điều khoản cam kết trong hợp đồng.

2. Chủ nhiệm đề tài dự án được quyền chủ động sử dụng kinh phí được cấp theo chế độ khoán kinh phí hiện hành và điều hoà nhân sự để triển khai thực hiện đề tài, dự án; có trách nhiệm nộp kinh phí thu hồi theo đúng hợp đồng đã

ký, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất (nếu có) về tình hình triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán đề tài, dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước cho UBND cấp huyện, ngành và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.

3. Sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu, Chủ nhiệm đề tài, dự án phải đăng ký và giao nộp kết quả nghiên cứu về Sở Khoa học & Công nghệ, có kế hoạch triển khai tiếp tục kết quả nghiên cứu và có thể đăng ký giải pháp hữu ích, sáng chế phát minh (khi có ủy quyền nếu nhận 100% kinh phí từ ngân sách tỉnh).

**Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng khoa học tư vấn tuyển chọn, xét duyệt, sơ kết, nghiệm thu (gọi tắt là Hội đồng khoa học)**

1. Hội đồng có thành viên trung bình từ 07 - 09 người, do UBND cấp huyện, ngành quyết định thành lập. Thành viên của Hội đồng phải là chuyên gia khoa học, các nhà hoạt động xã hội có uy tín, nhà quản lý khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao tư vấn.

2. Mỗi Hội đồng có một Chủ tịch và có từ một đến hai Phó Chủ tịch, có hai Ủy viên phản biện, các Ủy viên khác và đại diện của cơ quan ứng dụng kết quả nghiên cứu, một thư ký Khoa học, 01 thư ký hành chính. Đối với những đề tài, dự án lớn trong trường hợp thật cần thiết có thể có hai phản biện kín do UBND cấp huyện, ngành chỉ định.

3. Đối với mỗi đề tài, dự án, thành phần hội đồng từ khi tuyển chọn, xét duyệt đến khi nghiệm thu được giữ cố định, nếu có thay đổi thì số thành viên thay đổi không vượt quá 1/3 số thành viên ban đầu.

4. Chủ tịch hội đồng, Phó chủ tịch, Uỷ viên Hội đồng có trách nhiệm đánh giá khách quan, trung thực thuyết minh đề tài, dự án, kết quả của đề tài, dự án. Hội đồng làm việc công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm về nội dung đánh giá của mình. Các thành viên của hội đồng phải có ý kiến nhận xét và đánh giá đề tài, dự án bằng văn bản trong mỗi lần họp.

5. Mỗi thành viên hội đồng phải được cung cấp đủ hồ sơ của đề tài, dự án tuỳ theo mỗi lần họp tuyển chọn, xét duyệt, giám định hay nghiệm thu và phải có đủ thời gian để nghiên cứu, ít nhất là 07 ngày.

6. Những người tham gia chủ chốt trong đề tài, dự án (là những thành viên tham gia thực hiện, kế toán và thư ký đề tài, dự án), người thân thích của Chủ nhiệm đề tài không được là thành viên trong Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt, giám định hay nghiệm thu trong đề tài, dự án.

7. Hội đồng chỉ tiến hành làm việc khi có mặt Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch, 2 Ủy viên phản biện và ít nhất 2/3 số thành viên trở lên. Cơ quan đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án; cơ quan đặt hàng (nếu có) phải cử người đại diện có thẩm quyền tham dự. Hội đồng đánh giá bằng cách bỏ phiếu kín chấm điểm theo tiêu chí, thang điểm.

8. Nếu điểm của thành viên hội đồng chênh lệch > 20 điểm so với điểm trung bình của hội đồng thì gọi là điểm không hợp lệ và không được tính vào tổng số điểm hợp lệ.

**Điều 21. Trách nhiệm triển khai kết quả nghiên cứu khoa học**

1. UBND cấp huyện, ngành, tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm công bố kết quả nghiên cứu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang web của Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị, tổ chức có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài (trừ những đề tài có độ mật và tối mật phục vụ quốc phòng, an ninh và một số ngành khác theo quy định của pháp luật về vấn đề bảo mật).

2. UBND cấp huyện, ngành có trách nhiệm tổ chức bàn giao kết quả nghiên cứu cho đơn vị đặt hàng, chậm nhất là 30 ngày sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu, nộp báo cáo nghiệm thu đã được chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng khoa học. Các đơn vị chủ trì và đơn vị đặt hàng có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng,lần về việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu cho UBND cấp huyện, ngành và Sở khoa học & Công nghệ cho đến khi có kết quả ứng dụng cụ thể đạt hay không đạt. Chủ nhiệm đề tài, cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ cơ quan ứng dụng triển khai kết quả nghiên cứu.

**Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan đặt hàng và ứng dụng kết quả nghiên cứu**

Cơ quan đặt hàng và ứng dụng kết quả nghiên cứu sau khi nhận được bàn giao từ UBND cấp huyện, ngành với sự hỗ trợ tiếp tục từ Chủ nhiệm đề tài phải triển khai ngay kết quả nghiên cứu chậm nhất là 6 tháng; nếu chưa ứng dụng được thì định kỳ 6 tháng/lần có báo cáo cho UBND cấp huyện, ngành và Sở Khoa học & Công nghệ đến khi có kết quả ứng dụng cụ thể.

**Điều 23. Quyền lợi của những tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học**

1.Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc phân chia lợi nhuận được thoả thuận cụ thể trong từng hợp đồng khoa học và công nghệ giữa các bên, nếu không có thoả thuận thì phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ đóng góp giữa các bên trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thì các bên phải thực hiện nghĩa vụ thu hồi kinh phí đầu tư theo các quy định của pháp luật hiện hành trước khi tiến hành phân chia lợi nhuận.

## Chương V
## QUẢN LÝ KINH PHÍ

**Điều 24. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí**

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách sự nghiệp nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng năm trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh.

2. Hàng năm căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí và cấp kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ về Sở Khoa học & Công nghệ chi tiêu kế hoạch dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học & Công nghệ, Ủy ban Nhân dân tỉnh và UBND cấp huyện.

4. UBND cấp huyện, ngành được quyền chủ động điều chỉnh cơ cấu chi kinh phí sự nghiệp khoa học cho đề tài, dự án và kinh phí sự nghiệp khoa học thường xuyên để hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm.

**Điều 25. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, ngành trong việc quản lý, sử dụng kinh phí.**

1. Dự toán kinh phí cho từng đề tài, dự án sẽ do UBND cấp huyện và Sở Khoa học & Công nghệ tổ chức thẩm định và phê duyệt theo đúng chế độ và định mức quy định.

2. Kinh phí cho mỗi kỳ họp Hội đồng khoa học và công nghệ cấp huyện, ngành, cho Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm, được chi theo quy định từ ngân sách sự nghiệp khoa học của cấp huyện, ngành.

3. Đề tài, dự án khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định về khoán kinh phí theo hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học công nghệ được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

4. Kinh phí cho mỗi kỳ họp Hội đồng xét duyệt, sơ kết (nghiệm thu từng giai đoạn), nghiệm thu đề tài, dự án do UBND cấp huyện, ngành chịu trách nhiệm chi theo quy định của Nhà nước hiện hành.

5. Kinh phí quản lý cho cơ quan chủ trì được dùng chi cho công tác kế toán của đề tài, dự án và quản lý chung tiến độ thực hiện của đề tài, dự án. Được xây dựng dự toán theo quy định của Nhà nước.

6. Sau khi đề tài, dự án được duyệt, Sở Khoa học & Công nghệ tiến hành ký kết hợp đồng khoa học và triển khai công nghệ với UBND cấp huyện, cơ quan chủ trì (đối với đề tài, dự án cấp ngành) đề tài, dự án, với Chủ nhiệm đề tài và chuyển kinh phí cho đề tài, dự án theo tiến độ thực hiện về tài khoản của cơ quan chủ trì.

**Điều 26. Quyết toán kinh phí đề tài, dự án.**

Kinh phí đề tài, dự án được cấp cho mỗi giai đoạn phải được quyết toán với UBND cấp huyện và Sở khoa học & Công nghệ theo tiến độ thực hiện và tuân thủ

theo các quy định về chế độ chi tiêu đối với các nghiệp vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học & Công nghệ và của Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành.

UBND cấp huyện, ngành và Sở Khoa học & Công nghệ có trách nhiệm quyết toán kinh phí với Sở Tài chính. Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm quyết toán kinh phí của đề tài, dự án vào cuối kỳ kế hoạch hàng năm cho UBND cấp huyện, ngành và Sở khoa học & Công nghệ.

Đề tài, dự án khoa học và công nghệ chỉ được cấp tiếp kinh phí khi đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí cấp lần trước. Kinh phí của mỗi đề tài, dự án được giữ lại 10 – 20% trên tổng kinh phí, phần này sẽ được cấp sau khi đề tài được nghiệm thu với kết quả đạt trở lên.

Đề tài khoa học sau khi nghiệm thu, nhận kinh phí lần cuối phải được quyết toán kinh phí sau cùng với UBND cấp huyện, ngành và Sở Khoa học & Công nghệ, chậm nhất một tháng và phải giao nộp toàn bộ kết quả nghiên cứu cho Sở Khoa học & Công nghệ theo hợp đồng đã ký kết.

## Chương VI
## KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

### Điều 27. Khen thưởng

1. Đối với các đề tài, dự án hoàn thành đúng hạn và vượt mức nhiệm vụ đặt ra, tạo nên những kết quả khoa học và công nghệ xuất sắc được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

2. Ủy ban Nhân dân tỉnh khen thưởng, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện những công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng vào thực tế, góp phần đem lại hiệu quả lớn cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, ngành.

### Điều 28. Khiếu nại, tố cáo

Việc khiếu nại tố cáo vi phạm Quy định quản lý hoạt động các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

### Điều 29. Xử lý vi phạm

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ nhiệm đề tài, dự án trong quá trình tổ chức, thực hiện đề tài, dự án nếu vi phạm quy định của Luật khoa học & Công nghệ, vi phạm Quy định này, vi phạm hợp đồng khoa học và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, phải bồi thường kinh phí thực hiện đề tài, dự án, không được tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước.

Chủ nhiệm đề tài, dự án bị trễ hạn quá 12 tháng chưa nghiệm thu, chưa quyết toán (không chứng minh được lý do chính đáng) sẽ không được đăng ký thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.

Các cơ quan, tổ chức có 3 đề tài, dự án trễ hạn hoặc không quyết toán kinh phí trên 18 tháng trở lên, không được đăng ký chủ trì đề tài, dự án trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân không làm đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước về khoa học và trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, đặt ra các thủ tục ngoài quy định hoặc sách nhiễu thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Pháp lệnh Cán bộ công chức và quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức.

## Chương VII
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 30.** Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học & Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và TP. Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

**Điều 31.** Trong quá trình áp dụng Quy định này, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai sẽ xem xét quyết định điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tỉnh, trên cơ sở kiến nghị của Giám đốc Sở Khoa học & Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và TP. Biên Hòa, các ngành và các tổ chức khoa học có liên quan./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Vĩnh**